



THE WAYS TO ORGANIZE THE SOCIAL LIFE OF MUONG PEOPLE IN HOA BINH PROVINCE: THE TRADITIONAL TO THE MODERN

Quach Cong Nam^{1,*}

¹Hong Duc University, Vietnam

* Email address:: quachnamxhh@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/495>

Article info

Recieved:

9/12/2020

Accepted:

22/02/2021

Keywords:

*Social system, Lang
Dao, Muong, land.*

Abstract

The social organization of the Muong can be divided into three stages: Stage 1: Organizing the social life of the Muong before 1945; Stage 2: Organizing the social life of the Muong after 1945 to before renovation (before 1986); Stage 3: Organizing the social life of the Muong people today (after 1986). Each stage shows typical differences in the organizational structure of the Muong's social life, leading to changes in social relationships. By the method of document analysis, comparison and ethnographic fieldwork, the author has systematically synthesized how the social life of the Muong is organized through each historical period, through which the The author clarifies the specific social relationships in each organizational form of social life.



CÁCH THỨC TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG XÃ HỘI CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HÒA BÌNH: TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

Quách Công Năm^{1,*}

¹Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam

* Địa chỉ email: quachnamxhh@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/495>

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

9/12/2020

Ngày duyệt đăng:

22/02/2021

Từ khóa:

Tổ chức xã hội, Lang Đạo, Mường, ruộng đất.

Tóm tắt

Tổ chức xã hội của người Mường có thể phân ra làm ba giai đoạn: Giai đoạn 1: Tổ chức đời sống xã hội của người Mường trước năm 1945; Giai đoạn 2: Tổ chức đời sống xã hội của người Mường sau năm 1945 đến trước đổi mới (trước năm 1986); Giai đoạn 3: Tổ chức đời sống xã hội của người Mường hiện nay (sau năm 1986). Mỗi giai đoạn thể hiện những khác biệt điển hình về cơ cấu tổ chức đời sống xã hội của người Mường, kéo theo sự thay đổi về các mối quan hệ xã hội. Bằng phương pháp phân tích tài liệu, so sánh và điền dã dân tộc học, tác giả đã tổng hợp một cách có hệ thống về cách thức tổ chức đời sống xã hội của người Mường thông qua từng giai đoạn lịch sử, qua đó tác giả làm rõ các mối quan hệ xã hội đặc trưng trong từng hình thái tổ chức đời sống xã hội.

1. Đặt vấn đề

Tổ chức đời sống xã hội là cách thức sắp xếp cuộc sống xã hội, là một hệ thống các quan hệ, tập hợp liên kết cá nhân trong xã hội để đạt được mục đích nhất định. Tổ chức đời sống xã hội của người Mường hình thành và phát triển song song với tổ chức đời sống xã hội của người Việt và có nhiều điểm tương đồng. Cùng với sự phát triển, biến đổi của kinh tế - xã hội, tổ chức đời sống xã hội của người Mường cũng có nhiều biến đổi to lớn. Về vấn đề này, tính đến hiện nay đã có một số nghiên cứu mô tả về xã hội của người Mường truyền thống như công trình *Xã hội và ruộng đất ở vùng Mường trước cách mạng Tháng Tám* của tác giả Mạc Đường[3]; *Người Mường ở Hòa Bình* của Từ Chi[8] và một nghiên cứu trường hợp về biến đổi tổ chức đời sống xã hội ở vùng Mường Thanh Sơn – Phú Thọ[7]. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào mô tả một cách hệ thống về sự biến đổi về tổ chức đời sống xã hội của người Mường từ truyền thống đến

hiện đại. Bài viết này tập trung khái quát những đặc trưng cơ bản của xã hội Mường qua từng giai đoạn cụ thể thông qua nghiên cứu để tổ chức xã hội tại bốn vùng trung tâm của người Mường tại Hòa Bình, đó là Mường Bi, Mường Vang, Mường Thàng, Mường Động.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức đời sống xã hội của người Mường trước năm 1945

Tổ chức xã hội truyền thống của người Mường trước năm 1945 là chế độ Lang Đạo, được tổ chức theo kiểu hình chóp, giống như một xã hội phong kiến thu nhỏ với sự phân hóa giai cấp khá rõ nét. Mỗi dòng họ nhà Lang tự phân biệt với các dòng họ khác không chỉ bằng Mường họ chiếm lĩnh mà còn bằng tên của họ. Các dòng họ quý tộc bao gồm Đinh, Quách, Bạch, Hà chia nhau cai quản các vùng Mường và nắm trong tay quyền phân phối ruộng đất. Còn tầng lớp bị trị thường là dân nghèo

và người của một số dòng họ nhỏ. Quan hệ giữa người với người trong xã hội Mường truyền thống chủ yếu là quan hệ giữa nhà Lang với thuộc dân. Đó là mối quan hệ chủ yếu có giá trị chi phối các mối quan hệ khác[1].

Đứng đầu mỗi Mường là một Lang Cun. Lang Cun là con cả trong chi nhánh cả của dòng họ gia tộc nhà Lang. Với tư cách là người kế thừa của người khai khẩn – hoặc chính là người khai khẩn (người đến trước) một vùng đất Mường, cho nên là vị chúa đất tối cao của một vùng Mường, đồng thời cũng là người có quyền hưởng thụ (tức là quyền sở hữu ruộng đất). Lang Cun có quyền lực như ông vua con, theo tục cha truyền con nối. Khi Lang chết, con trưởng lên thay thế, nếu Lang không có con trai, có khi vợ Lang được nắm quyền điều hành cho đến khi không thể làm nổi chức vụ. Đến lúc này họ hàng nhà Lang cùng với những người tin cẩn chọn một người trong họ đưa lên làm Lang Cun. Dân dù giỏi đến đâu cũng không thể trở thành nhà Lang. Khi nghiên cứu về vấn đề này nhà nghiên cứu Nguyễn Hải cho rằng *“Cũng có khi chức Lang Cun được trao cho người rể của nhà Lang, trong trường hợp này, người con rể phải bỏ họ nhà mình và lấy họ vợ”*[6]. *“Xã hội Mường cổ truyền Hòa Bình có thể được xem là kết quả tập hợp của nhiều đẳng cấp, trong chừng mực mà số phận xã hội của từng cá nhân, dù nam hay nữ, lại phụ thuộc vào dòng họ của người ấy”*; vị trí và bị trị *“bám chặt vào dòng họ của các cá nhân... thân phận của từng người được áp đặt bằng đường cha truyền con nối”*[8].

Lang Cun cũng chính là người thờ cúng Thần Hoàng. Tổ tiên của Lang Cun với tư cách là Thần Hoàng, được coi là tổ tiên của tất cả dân Mường trong vùng mà họ cai quản. Cho nên vai trò trưởng họ của người con (cháu) thừa kế của Lang Cun, được tất cả mọi người trong vùng Mường thừa nhận. Người ta coi toàn bộ đất đai trong vùng Mường chỉ là sự mở rộng đất đai của Lang Cun mà thôi. Những người dân trong Mường phải có nghĩa vụ vâng lời và tôn kính Lang Cun, đồng thời cũng có quyền đòi hỏi từ Lang Cun sự che chở và giúp đỡ.

Chức nhỏ hơn thuộc về chi thứ của dòng tộc quan Lang, gọi là Lang Đạo. Quan Lang Cun sẽ chia cho các Lang Đạo cai quản các Mường nhỏ trong vùng của mình. Mọi công việc quản lý trong Mường, Lang Đạo đều phải xin ý kiến của Lang

Cun. Hàng năm, Lang Đạo đều phải có đóng góp lễ vật cho Lang Cun. Khi bố mẹ Lang Cun chết, Lang Đạo cũng phải chịu tang như bố mẹ mình. Các dòng tộc quan Lang chia nhau cai quản xứ Mường, người Mường gọi là *“ăn Lang”*.

Trong tầng lớp dưới gồm những người dân, có một số gia đình giúp việc cho nhà Lang, gọi là Ấu. Ngày xưa giúp việc cho nhà Lang thì không có bổng lộc gì, không có được trả công, mà được Lang phân cho ruộng, thường là phần ruộng tốt. Dân phải khai hoang, vỡ hóa, phải nạp tô thuế, còn Ấu thì không phải nạp tô thuế. Ấu lo thu thóc, bắt phu phen, cúng bái, ma chay, đốc thúc dân thường làm ruộng.

Tầng lớp thấp nhất của xã hội Mường truyền thống là dân thường, thường gọi là Nhà Nóc, còn Nóc trội là dân ngụ cư, thường không có ruộng và rất nghèo đói.

Có thể nói, quan hệ xã hội giữa nhà Lang và thuộc dân, nói khác đi là quan hệ giữa tầng lớp thống trị và bị trị, là mối quan hệ điển hình trong xã hội truyền thống của người người Mường.

Về quyền sở hữu ruộng đất, tất cả ruộng đất trên đất Mường đều là của Nhà Lang. Ruộng đất nhà Lang được chia thành hai loại: ruộng đất tập đoàn (nhiều người làm), gọi là Xâu và ruộng đất cá thể khoán cho các nhà dân (Nõ). Đối với cả hai loại ruộng đất này, dân thường đều có trách nhiệm đóng góp sức lao động và nạp tô thuế. Mặc dù xuất thân từ tầng lớp dân, nhưng các Ấu không bị ràng buộc vào việc làm Xâu và Nõ. Trong việc canh tác ruộng Xâu và Nõ thì sức kéo để canh tác và công cụ như cày, bừa và trâu, bò đều do Ấu Châu Kho và dân Mường tự lo, còn lúa giống thì nhà Lang tự bỏ ra [5].

Về làm Xâu, Ấu Châu Kho có thể đòi hỏi các nhà Nóc làm. Mỗi nhà cử một người làm và những người này phải cùng làm các công việc đồng áng từ đầu cho đến cuối trên các thửa ruộng Xâu. Ấu Châu Kho phải có mặt để kiểm soát sao cho lao động các Nhà Nóc trên các ruộng Xâu được đồng đều và công bằng. Sự khác biệt giữa Xâu và Nõ không chỉ ở hình thức lao động, mà sự khác biệt này còn có tính chất đặc thù của chế độ nhà Lang. Xâu là đặc quyền của Lang Cun, chỉ có Lang Cun mới có quyền cất cử người làm Xâu. Lang Cun có quyền hưởng cả ruộng Xâu và ruộng Nõ, còn Lang Đạo chỉ có quyền hưởng ruộng Nõ mà thôi. Ngoài các

tầng lớp kể trên, còn có người hầu, người hầu là người ở tại nhà Lang, kể cả nhà Lang Cun và Lang Đạo, hoặc là do bố mẹ bán hoặc là bị gán nợ cho nhà Lang. Người hầu được Lang nuôi cho ăn mặc nhưng phải làm việc không công trong nhà và ngoài đồng ruộng. Con hầu đến tuổi trưởng thành có thể lấy vợ, chồng. Người vợ hay người chồng ấy thường là con nhà Nóc Trọi. Nhà Lang còn cho họ nôi niêu, bát đĩa... để họ có thể có một cuộc sống riêng tối thiểu, ở một túp lều nhỏ, không xa nhà chủ. Người hầu dường như sẽ quen dần với kiếp sống phụ thuộc và hầu hạ nhà chủ, sống lâu dần trở thành thành viên trong gia đình nhà chủ. Người hầu không hợp thành một tầng lớp xã hội riêng, chính vì thế mà việc bóc lột không công sức lao động của con hầu trở thành một đặc quyền của chế độ Nhà Lang.

Mối quan hệ giữa tầng lớp thống trị và bị trị trong xã hội Mường truyền thống là mối quan hệ qua lại. Trong mối quan hệ giữa Nhà Lang với thuộc dân ở trong Mường thì Nhà Lang phải có ba nghĩa vụ: (1) Bảo vệ, chăm sóc thuộc dân của mình; (2) Cho dân vay mượn những thứ mà họ thiếu; (3) Xét xử công lý cho họ.

Nhiệm vụ đầu tiên của nhà Lang trong việc tổ chức Mường xóm là đảm bảo công việc điều tra, canh phòng, căn cứ tuần đình gác đêm, kiểm soát các việc để Chiềng – Mường không xảy ra trộm cắp, bảo vệ cho khách đến và qua Mường không bị cướp giết, v.v...

Nhiệm vụ cho vay là nhiệm vụ có vẻ bèn bĩ nhất trong quan hệ giữa nhà Lang và thuộc dân. Nhà Lang không thể chối từ dân đến vay trong khi đói giáp hạt mà trong kho của nhà Lang vẫn còn lúa từ vụ trước, kể cả ai đó không có trâu để cày phần ruộng của mình, Nhà Lang cũng phải cho mượn. Việc cho mượn trâu có khi chỉ mang ý nghĩa tượng trưng, vì nông dân chính là người hàng ngày chăn dắt trâu bò cho Nhà Lang, họ có thể dùng chúng để kéo cày, giống như thể chúng là của họ vậy. Tuy nhiên, có lời nói Nhà Lang hay “*có lời với nhau*” trong các trường hợp tương tự chính là tập quán trong Mường như vậy. Đàn gia súc sinh sôi tăn mát có khi chính Nhà Lang cũng không kiểm soát nổi, nhưng về nguyên tắc, nó vẫn thuộc quyền sở hữu của Nhà Lang.

Người dân trong Mường thường nghĩ rằng việc xin Nhà Lang một cây gỗ to trong rừng của Nhà Lang để làm quan tài của người chết là một việc

đương nhiên và Nhà Lang cũng có nghĩa vụ phải cho người chết một cái quan tài như vậy. Đây là một cái quan tài kiểu cổ, truyền thống của người Mường. Cái quan tài đó thường là một khúc gỗ dài 2,4m trở lên, đường kính từ 90cm trở lên. Người ta bổ đôi khúc gỗ tròn, khoét rỗng bên trong và úp lại, sao cho đủ đựng xác người chết (dành cho người cao lớn nhất và các đồ tùy táng).

Quan hệ giữa người với người trong xã hội Mường truyền thống, kể cả các quan hệ về lao động, là quan hệ đẳng cấp. Nhưng Nhà Lang cố giữ quan hệ đẳng cấp này ở mức độ quan hệ gia trưởng và Nhà Lang cũng cố gắng làm gương trong các trường hợp cụ thể, làm sao cho dân yên lòng, không bức xúc đến mức muốn nổi loạn – cũng là một cách để bảo vệ chế độ Nhà Lang. Thịnh thoảng Nhà Lang cũng tạo ra không khí dân chủ bằng cách cho phép dân ép rượu cần đối với mình. Trong dịp tết làng, Nhà Lang cũng cho phép dân Làng nói lên những ý nghĩ thực của họ trong đó có cả những lời phê phán cách cai trị của Nhà Lang.

Có thể nói, chế độ Lang Đạo của dân tộc Mường đã thực sự gây ra cho xã hội Mường sự phân biệt đẳng cấp sâu sắc giữa tầng lớp Lang Đạo và tầng lớp dân thường. Sự phân biệt này ngoài mối quan hệ sản xuất đã nêu ở trên còn thể hiện trong từng chi tiết nhỏ của cuộc sống, như là nhà dân không được to hơn nhà Lang; đàn bà con gái dân thường không được mặc váy có thêu hình con rồng hay mặc váy dài chấm gót như vợ Lang; nhân dân trong Mường phải luôn nghe lời phục dịch, cúng lễ Nhà Lang. Nhiều tục lệ thể hiện sự phân biệt đẳng cấp sâu sắc cũng đã được hình thành, cụ thể như:

- *Tục nộp vai, nộp đùi*: Nếu người dân trong làng có việc phải mổ trâu mổ bò, lợn, đều phải có nghĩa vụ nộp một vai hoặc đùi của con vật đó cho Nhà Lang.

- *Phục vụ Nhà Lang*: Nếu Nhà Lang có đám cưới hay đám ma dân trong mường đều phải đến giúp. Nếu Nhà Lang xây nhà mới thì mỗi nhà trong Mường phải tự giác mang tre, nứa, lá cọ... đến nộp. Khi Nhà Lang đến dự đám cưới hoặc dự lễ mừng nhà mới của người dân trong Mường, thì nhà dân đó phải biếu Nhà Lang 2kg thịt lợn hoặc 1 con gà, 1 chai rượu.

- *Con nhà dân không được phép lấy con Nhà Lang*: Đây là quy định thể hiện sự phân biệt đẳng

cấp trong xã hội Mường truyền thống, nhưng ngược lại, Lang vẫn được lấy con nhà dân, nhưng chỉ được làm vợ lẽ cho dù cưới trước. Vợ cả luôn là người thuộc dòng họ Nhà Lang. Dân phải đóng góp mọi thứ trong thời kỳ cưới xin của Nhà Lang.

Cho đến nay người Mường vẫn chịu một chút ảnh hưởng của chế độ Lang Đạo xưa kia, qua thói quen kính trọng những người thuộc dòng dõi Nhà Lang.

Có thể nói rằng, nổi bật trên hết của mối quan hệ và tính cố kết cộng đồng của người Mường trong xã hội truyền thống là mối quan hệ giữa dân Mường và Nhà Lang. Sự cố kết cộng đồng này đã tồn tại gắn liền với chế độ chính trị làm nên sự bền vững, khó lung lay của các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng người Mường truyền thống. Cơ sở của các mối quan hệ này là quyền chiếm hữu ruộng đất, có nghĩa rằng, tính cố kết cộng đồng lúc này đã được thiết chế hóa với các mối quan hệ điển hình giữa giai cấp thống trị và giai cấp bóc lột. Do đó khi phân tích về tính cố kết cộng đồng của xã hội Mường truyền thống, người ta không thể tách rời khỏi chế độ chính trị của nó.

Song song với sự chi phối các quan hệ xã hội của chế độ Lang Đạo, trong đời sống nói chung, trong hoạt động sản xuất nói riêng, người Mường có truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Tính cố kết cộng đồng thông qua hoạt động sản xuất của người Mường đã trở thành nguồn sức mạnh nâng đỡ người trong hoàn cảnh khó khăn, như đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, chống lại kẻ thù, thú dữ... Nó được cụ thể hóa thành truyền thống hợp tác, tương trợ, liên kết với nhau trong lao động sản xuất giữa những người trong cùng dòng họ, thân tộc, làng xóm láng giềng và những người cùng Mường cùng bản.

Một già làng ở vùng Mường Vang (Lạc Sơn – Hòa Bình) cho biết: *“Mỗi khi mùa vụ đến, người Mường thường hay đi cấy đổi công hoặc làm giúp nhau và họ thường được “lấy công” bằng một bữa cơm hoặc thậm chí không lấy gì cả mà người ta gọi là “ăn bữa cơm tình cảm”, không tính toán thiệt hơn. Bởi họ luôn ý thức rằng sự giúp đỡ lẫn nhau giữa những người Mường trong cộng đồng là tất yếu, lúc người khác cần thì họ giúp và khi mình cần thì người khác lại đến giúp”* (Nữ, 50 tuổi, nông dân).

Các hình thức giúp đỡ này hoàn toàn mang tính tự nguyện không phải áp lực từ cộng đồng hay dư

luận xã hội. Việc đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau thường dựa trên một số cơ sở như quan hệ thân tộc, láng giềng, thậm chí giữa làng này và làng khác.

2.2. Tổ chức đời sống xã hội của người Mường sau năm 1945 đến trước năm 1986

Xã hội Mường sau năm 1945 không còn chế độ Lang Đạo mà thay vào đó là các hình thức hợp tác xã nông nghiệp, tự túc tự cấp và khép kín[2]. Theo đó, ruộng đất, trâu bò và các loại công cụ sản xuất đều thuộc hợp tác xã, tài sản chung của tập thể. Các hộ gia đình đi làm theo tiếng kèn và sự phân công của đội trưởng đội sản xuất, lúc này xã hội làng bản được chính trị hóa cao độ. Vai trò của Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Ban chủ nhiệm hợp tác xã nổi bật lên, thành viên của các tổ chức này là những người sống cùng làng bản. Các quan hệ gia đình, nhất là quan hệ dòng họ vốn rất nổi bật trong xã hội truyền thống, bây giờ bị lép đi khá nhiều. Thậm chí việc hôn nhân trước đây hoàn toàn là việc của gia đình, dòng họ, thì đến thời bao cấp thì các đoàn thể lại giữ vai trò rất lớn, nếu không nói là quyết định.

Nhìn chung hình thức kinh tế hợp tác xã tự túc tự cấp khép kín đã tiếp tục phát huy tinh thần truyền thống là sự tương trợ, gắn kết giúp đỡ lẫn nhau-lá lành đùm lá rách không chỉ trong lao động sản xuất, mà cả trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Hợp tác xã cũng là một dạng thức tổ chức xã hội mang tính cộng đồng, thậm chí là dạng thức cộng đồng triệt để nhất (tất cả ruộng đất, trâu bò, công cụ sản xuất đều là của chung, lao động thì tuân theo một kế hoạch thống nhất từ ban quản trị Hợp tác xã, người nông dân được chuyên môn hóa – trong các tổ cày, tổ cấy, tổ chăn nuôi giống như người công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp đã được công nghiệp hóa cao độ). Có điều là tính cộng đồng trong làng bản xưa là tính cộng đồng xuất phát từ tinh thần tự nguyện, còn tính cộng đồng trong Hợp tác xã được tổ chức theo yêu cầu của chính trị, trong đó không tránh khỏi ép buộc. Cách tổ chức cộng đồng làng bản trong các hợp tác xã đã giúp động viên được sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, mà kết quả cụ thể là giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước.

2.3. Tổ chức đời sống xã hội của người Mường từ khi đổi mới (1986) đến nay

Vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, khi các Hợp tác xã nông nghiệp bị giải thể, cùng với phong trào chung của cả nước lập lại chức

trường thôn, thì ở miền núi cũng tái lập lại chức trường bản mà trong thời kỳ bao cấp đã bị xóa bỏ. Với hệ thống chính trị 4 cấp, là trung ương, tỉnh, huyện và xã thì cấp thôn trong thực tế là “*cánh tay nối dài*” của nhà nước xuống các đơn vị xã hội cơ sở là làng (ở miền xuôi) và thôn bản ở miền núi. Bên cạnh các chi bộ Đảng, các đoàn thể như hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh, trường bản không chỉ có nhiệm vụ quản lý nhân khẩu mà còn là người thường xuyên phổ biến các chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến từng hộ dân.

Thông thường, trường bản phải là người có học vấn tương đối cao, làm ăn giỏi, có uy tín với bà con thôn bản, còn ở các Mường, đôi khi trường bản cũng là tộc trưởng của các dòng họ lớn. Trường bản là người sinh ra và lớn lên ngay trong bản, lại được dân tín nhiệm bầu lên, nên họ hiểu và gần dân hơn cả. Nhiều bản Mường cách xa trung tâm xã, vì vậy từ khi có các trường bản thì quan hệ giữa người dân và chính quyền trở nên gần gũi và thân thiết hơn. Cần nói thêm là, trong các thời kỳ này, các tổ chức Đảng, đoàn thể cũng không can thiệp vào việc hôn nhân – gia đình so với thời bao cấp-nghĩa là quan hệ xã hội trong các làng bản ngày càng được tự do, dân chủ hơn[4].

Sự tham gia của khoa học – kỹ thuật và phương tiện sản xuất là nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc giảm tính cố kết cộng đồng ở khía cạnh kinh tế. Đổi công, làm giúp vốn rất phổ biến trong xã hội Mường truyền thống thì nay chỉ còn rất ít hoặc chuyển qua hình thức thuê mướn. Với sự xuất hiện của nhiều máy móc sản xuất giúp tiết kiệm sức người, giải phóng sức lao động, làm giảm nhu cầu lao động chân tay. Theo đó, tính cố kết cộng đồng ở đây như dần được chuyển sang hình thức khác, như hình thức mua chung máy móc sản xuất (máy cày bừa, máy xay sạt, máy cấy, máy gặt...).

“Bây giờ bà con trong làng bản cũng ít làm nông nghiệp, họ dành thời gian để làm các việc khác bên ngoài có thu nhập cao hơn. Máy móc bây giờ cũng làm thay người hết rồi, bà con trong làng cũng thuê máy móc làm cho đỡ vất vả. Nếu nhà ai thiếu người cấy thì phải thuê với giá khá cao”. (Nữ 45 tuổi, nông dân, Lạc Sơn).

Ngoài ra, tính cố kết cộng đồng của người Mường ngày nay cũng đã có những thay đổi lớn, chuyển qua hình thức cố kết cộng đồng mới kể từ

khi chính sách đổi mới của Nhà nước được thực hiện. Tuy nhiên, những giá trị cơ bản vẫn được duy trì, tiêu biểu như tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ, tôn trọng nhau, kính già yêu trẻ, tôn trọng các giá trị của gia đình... Xã hội Mường hiện nay vẫn là một tổ chức quy củ với những vị trí, cấp bậc khác nhau. Tầng lớp được kính trọng nhất là thầy cúng, thầy mo và các cụ lớn tuổi, đây được coi là những người còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống của dân tộc.

Tâm lí “*một người làm quan cả họ được nhờ*”, “*phép vua thua lệ làng*” giống như người Việt dân được xóa bỏ và thay vào đó là ý thức cùng nhau xây dựng gia đình, làng xóm văn hóa.

Ý thức cộng đồng của người Mường ngày nay đã vượt khỏi phạm vi ý thức cộng đồng làng xã, trong ý thức cộng đồng dân tộc bao gồm cả ý thức cộng đồng nhân loại. Rất nhiều các hoạt động chung tay vì cộng đồng được con người hưởng ứng, không chỉ trên phạm vi một tổ chức mà trên phạm vi quốc gia thậm chí là quốc tế. Chẳng hạn như các hoạt động hiến máu nhân đạo, hoạt động quyên góp vì người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, sóng thần, động đất, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động chung tay chống lại đại dịch..

3. Kết luận

Có thể nói, trong thời kỳ đổi mới, tổ chức đời sống xã hội đã có nhiều biến đổi trên tất cả các phương diện: quan hệ chính trị, kinh tế; quan hệ giới và quan hệ giữa các thế hệ già và trẻ... Ngày nay người Mường được giải phóng khỏi chế độ Lang Đạo và những hạn chế của chế độ quan liêu bao cấp vốn chỉ phù hợp với thời chiến, họ được tự do canh tác trên mảnh ruộng của mình, không còn bị bóc lột, đồng thời họ được Nhà nước giúp đỡ, tạo điều kiện cho vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất kinh doanh nên đời sống của người Mường ngày nay đã khá hơn rất nhiều so với trước kia. Dù chế độ Lang Đạo không còn nữa, những những nét văn hóa tốt đẹp vẫn được các thế hệ con cháu người Mường gìn giữ và bảo tồn.

Ở cấp làng bản, di sản quan trọng nhất trong quan hệ giữa người với người vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay là tinh thần cộng đồng, “*lá lành đùm*

lá rách". Trong thời bao cấp, hợp tác xã cũng là một dạng của tổ chức cộng đồng ở nông thôn, kể cả nông thôn miền núi. Chỉ có điều tính cộng đồng xưa mang tính tự nguyện và xuất phát từ những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, còn tổ chức cộng đồng thời kỳ hợp tác xã bao cấp là có sự chi đạo, duy ý chí, nhiều khi mang tính ép buộc. Đến thời kỳ đổi mới, quan hệ hội làng bản đã có sự biến đổi trên tất cả các phương diện: từ các lĩnh vực chính trị, kinh tế đến các quan hệ giới, quan hệ giữa các thế hệ. Tính cố kết cộng đồng được chuyển qua các hình thức mới như liên kết sản xuất, ý thức cộng đồng nhỏ được đặt ra trong mối quan hệ với cộng đồng lớn. Và như vậy, tất yếu không thể tránh khỏi xung đột giữa các giá trị truyền thống và hiện đại giữa người già và người trẻ, giữa nam và nữ, giữa người giàu và người nghèo... Do đó, việc xây dựng và thực hiện các chính sách, các quy chuẩn văn hóa mới vừa phù hợp với truyền thống vừa phù hợp với những đòi hỏi của sự phát triển xã hội là yêu cầu bức thiết đặt ra với các nhà hoạch định chính sách và quản lý văn hóa cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

REFERENCES

- [1] Mai, B.T. (1999), *The Muong ethnic group in Vietnam*. National Cultural Publishing House.
- [2] Khue, L.Q. (2007), *Traditional Muong cultural identity and current changing trend - Through Muong culture survey in Hoa Binh province*. Academy of Journalism and Communication. 6974.
- [3] Duong, M. (1962), Society and land in Muong area before the August Revolution. *Historical research journal*, 3:49-56
- [4] Lap, N.Q. (2005). *Muong ethnic*. Kim Dong House
- [5] Chi, N.T. (1996), *Contribute to ethnic culture research*. Information culture Publishing House.
- [6] Hai, N. (2012), *Dissipate Muong culture in Hoa Binh*, Information and communication Publishing House.
- [7] Linh, H.V. (2006), *The traditional social organization and its changes in the Muong Thanh Son, Phu Tho*. Institute of Ethnology.
- [8] Chi, T. (2012), *The Muong ethnic group in Hoa Binh*, Vietnam folk arts association.